

Số: /QĐ-UBND

Nga My, ngày 11 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGÀ MY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 5139/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện Phú Bình về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Phú Bình năm 2025;

Xét đề nghị của Ban Tài chính xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Nga My Quý 1 năm 2025 (Theo các biểu số 113/CKTC-NSNN; 114/CKTC-NSNN; 115/CKTC-NSNN kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã, HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Như điều 3
- Lưu: Vp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hoàn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2025	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	10.825,000,00	3.170,228,808	29,3
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	75.000	18.097	24,1
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	170.000	72.131,808	42,4
3	Thu bổ sung	10.580.000	3.080.000	29,1
	- Thu bổ sung cân đối	9.950.000	2.850.000	28,6
	- Thu bổ sung có mục tiêu	630.000	230.000	36,5
4	Thu chuyển nguồn	0	0	0
II	TỔNG SỐ CHI	10.195.000	2.444,884,391	23,9
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	100
2	Chi thường xuyên	10.073.000	2.444,884,391	24,3
3	Dự phòng	122.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	10.895,000	10.825,000	3.327.065,968	3.170.228,808	30,5	29,3
I	Các khoản thu 100%	75.000	75.000	18.097	18.097	24,1	24,1
	Phí, lệ phí	45.000	45.000	10.597	10.597	23,5	23,5
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				0		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				0		
	Thu khác	30.000	30.000	7.500	7.500	25	25
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	240.000	170.000	228.968,968	72.131,808	95,4	42,4
1	Các khoản thu phân chia	45.000	45.000	55.854,25	36.227,13	124	80,5
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35.000	35.000	4.500	4.500	12,9	12,9
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình				0,0		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000	10.000	12.100	12.100,0	121	121
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất			39.254,25	19.627,13		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	195.000	125.000	173.252,835	35.904,678	88,8	28,6
	- Thuế GTGT	130.000	125.000	37.262,569	35.772,068	28,7	28,6
	- Thuế thu nhập cá nhân	65.000	0	135.852,149	0	209	
	- Thu tiền sử dụng đất		0		0		
	- Thuế thu nhập cá nhân CNBĐS		0		0		
	- Thu phạt chậm nộp thuế			138,117	132,610		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)				0		
IV	Thu chuyển nguồn	0	0	0	0	0	0
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		0		0		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.580.000	10.580.000	3.080.000	3.080.000	29,1	29,1
	- Thu bổ sung cân đối	9.950.000	9.950.000	2.850.000	2.850.0000	28,6	28,6
	- Thu bổ sung có mục tiêu	630.000	630.000	230.000	.230.000	36,5	36,5

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị:
1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	10.195.000	0	10.195.000	2.444,884,391	0	2.444,884,391	23,9		23,9
	Trong đó									
1	Chi dân quân tự vệ, ANTT	1.896,750		1.896,750	404.517,115		404.517,115	21,3		21,3
2	Chi giáo dục	0		0						
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0						
4	Chi y tế	194.000		194.000	48.438		48.438	25		25
5	Chi văn hóa, thông tin	85.000		85.000	17.038,4		17.038,4	20		20
6	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0,0					
7	Chi thể dục thể thao	45.000		45.000	0,0			0,00		0,00
8	Chi bảo vệ môi trường	24.000		24.000	4.000		4.000	16,6		16,6
9	Chi các hoạt động kinh tế	0	0		0	0			0	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.601,250		7.601,250	1.916,811,376		1.916,811,376	25,2		25,2
11	Chi cho công tác xã hội	227.000		227.000	54.079,5		54.079,5	23,8		23,8
12	Chi khác	0		0						
13	Dự phòng ngân sách	122.000		122.000	0,0					

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Nga My quý 1 năm 2025

1. Thu ngân sách Nhà nước (Biểu số 114/CKTC-NSNN)

Dự toán năm 2025:

- Thu ngân sách xã: 10.825.000.000 đồng (Bổ sung chi ĐH Đảng 230 triệu đồng và 400 triệu đồng sửa nhà văn hóa xã)

- Thực hiện thu quý 1/2025 là: 3.170.228.808 đồng đạt 29,3, % so với dự toán

Trong đó: + Các khoản thu 100%: 18.097.000 đồng đạt 24,1 %

+ Các khoản phân chia theo tỷ lệ: 72.131.808 đồng đạt 42,4 % dự toán.

- Thu bổ sung trợ cấp từ ngân sách cấp trên: 3.080.000.000 đồng đạt 29,1% dự toán, Một số khoản thu đạt khá và vượt như; Thuế GTGT 35.772,068 đồng đạt 28,6% dự toán; Thu phạt: 7.500.000 đồng đạt 25% dự toán; Phí môn bài 12.100.000 đồng đạt 121% dự toán...

Nhìn chung về thu ngân sách xã thực hiện trong quý 1/2025 đảm bảo dự toán chi các hoạt động

2. Chi ngân sách nhà nước (Biểu số 115/CK-TC-NSNN)

- Dự toán năm 2025: 10.915.000.000 đồng

- Chi thực hiện quý 1 là: 2.444.884.391 đồng đạt 23,9% dự toán

Trong đó: + Chi thường xuyên: 2.444.884.391 đạt 24,3% dự toán

Chi thường xuyên trong quý 1 năm 2025 đã đảm bảo chi lương và các khoản chi thường xuyên, chính sách an ninh xã hội, chi các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của xã theo dự toán huyện giao.